

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28/8/2018
V/v tranh chấp: "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG,
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **LƯƠNG NGỌC YẾN ANH**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **NGÔ TIẾN THÀNH**

2. Bà **NGUYỄN THỊ TỈNH**

- Thư ký phiên tòa: Bà **HOÀNG HÀ TUYỀN** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa: Bà **LÊ ÁNH DƯƠNG** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 340/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị T** - Sinh năm: 1978

ĐKKHKT: 4/5 Ngô Q, phường Xương H, thành phố T, tỉnh K.

Địa chỉ hiện nay: 181/17/25 Ngọc H, phường Ngọc H, thành phố T, tỉnh K.

Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

* Bị đơn: Ông **Lê Quốc B** - Sinh năm: 1978

ĐKKHKT: 4/5 Ngô Q, phường Xương H, thành phố T, tỉnh K. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:*

Tôi và anh Lê Quốc B tự nguyện kết hôn năm 2005, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Xương H, thành phố T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 92, quyền số 01/2005 ngày 22/8/2005. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng 03 năm trở lại đây giữa chúng tôi luôn xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do anh B thường xuyên ăn nhậu say sưa, cờ bạc, đánh đề rồi về nhà gây chuyện với vợ con, không hề quan tâm đến gia đình. Mặc dù hai vợ chồng đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không được, anh B vẫn không hề sửa chữa. Chúng tôi đã sống ly thân khoảng 01 năm nay, tôi không thể chịu đựng được nên đã cùng các con bỏ ra ở riêng, còn anh B thì về ở nhà của anh B. Tôi nhận thấy không còn tình cảm gì với anh B, việc kéo dài cuộc sống như vậy chỉ làm tổn hại đến tinh thần và sức khỏe của cả hai và ảnh hưởng đến việc học hành của các con nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Lê Thuần Phục – sinh ngày 12/9/2007 và Lê Quỳnh Ngân – sinh ngày 11/11/2011. Tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con vì các cháu hiện đang ở với tôi, tôi không yêu cầu anh Bình cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Quốc B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc nên không có lời khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị T vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Lê Quốc B được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T và ông Lê Quốc B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Xương H, thành phố T; theo Giấy chứng nhận kết hôn số 92, quyền số 01/2005 ngày 22/8/2005. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị T và ông Lê Quốc B không hạnh phúc do ông B vô trách nhiệm với gia đình, thường xuyên rượu chè, cờ bạc, đánh đề và khi về nhà thì vô cớ gây sự với vợ con. Bà T đã cố gắng khuyên can và bỏ qua cho ông B nhiều lần nhưng ông B vẫn không thay đổi. Hai người đã tự sống ly thân được 01 năm nay, bỏ mặc và không quan tâm đến nhau nữa. Hiện nay, bà T khẳng định không còn tình cảm với ông B nên xin ly hôn. Mặt khác, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lê Quốc B nhưng tại các buổi hòa giải cũng như tại các phiên tòa, ông B không có mặt để tham gia tố tụng, cho thấy ông B không có thiện chí trong việc mong muốn hàn gắn, đoàn tụ gia đình. Như vậy, mục đích hôn nhân của bà T và ông B không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Nguyên đơn bà Phạm Thị T khai 02 con chung là cháu Lê Thuần P - sinh ngày 12/9/2007 và Lê Quỳnh N - sinh ngày 11/11/2011. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con vì các cháu hiện đang ở với mẹ. Bà T không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét: Các cháu Lê Thuần P và Lê Quỳnh Nhiện đang chung sống với bà Phạm Thị T ổn định. Cháu Ngân là con gái và hiện còn nhỏ nên cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Tại bản tự khai ngày 05/4/2018, cháu Lê Thuần P - sinh ngày 12/9/2007 có nguyện vọng được ở với mẹ. Nên Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung là cháu Lê Thuần P - sinh ngày 12/9/2007 và Lê Quỳnh N - sinh ngày 11/11/2011 cho bà Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn là hợp lý.

[4]. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn bà Phạm Thị T không yêu cầu nên không xét. Nếu sau này có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn bà Phạm Thị T không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Nếu sau này các bên có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

[6] Án phí: Nguyên đơn bà Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T và ông Lê Quốc B được ly hôn.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lê Thuần P - sinh ngày 12/9/2007 và Lê Quỳnh N - sinh ngày 11/11/2011 cho bà Phạm Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau ly hôn.

Bà Phạm Thị T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xét. Nếu sau này có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

Ông Lê Quốc B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn bà Phạm Thị T không có yêu cầu nên không xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

4. Án phí: Bà Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0008583 ngày 13/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà Phạm Thị T đã nộp đủ án phí.

5. Quy định:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị Thuần và ông Lê Quốc Bình có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Nha Trang
- *Đương sự*
- THADS Tp. Nha Trang
- TAND tỉnh Khánh Hòa
- UBND phường Xương Huân,
Tp. Nha Trang.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã kí)

Lương Ngọc Yến Anh